

Số: 9644/QĐ-ĐHTV

Trà Vinh, ngày 02 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành Quy định hình thức đánh giá  
chuyên đề nghiên cứu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Trà Vinh sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 5765/QĐ-ĐHTV ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 5692/QĐ-ĐHTV ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Trà Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

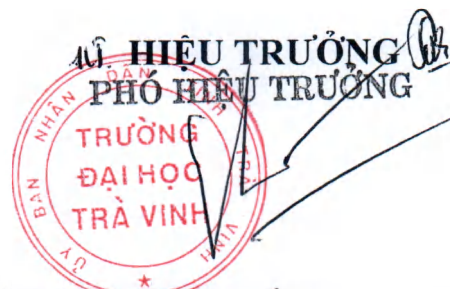
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hình thức đánh giá chuyên đề nghiên cứu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường Phòng Hành chính Tổng hợp, Trường Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH, TT-PC.



**TS. Phan Quốc Nghĩa**

**QUY ĐỊNH HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU  
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 9644/QĐ-ĐHTV ngày 02 tháng 11 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về hình thức đánh giá chuyên đề nghiên cứu trong chương trình đào tạo thạc sĩ đối với chương trình định hướng nghiên cứu.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, giảng viên hướng dẫn, học viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện, đánh giá chuyên đề nghiên cứu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Trà Vinh.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuyên đề là văn bản trình bày, giải thích một vấn đề nào đó. Về độ dài chuyên đề có thể tương đương hoặc lớn hơn tiểu luận, và sẽ nhỏ hơn báo cáo thực tập, có thể coi là luận văn thu nhỏ.

2. Nghiên cứu là một quá trình thu thập và phân tích thông tin nhằm gia tăng sự hiểu biết về một chủ đề hoặc một vấn đề, hoặc khám phá nguyên nhân gây nên một vấn đề nào đó.

3. Chuyên đề nghiên cứu là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu. Tổng thời lượng của chuyên đề nghiên cứu từ 12 đến 15 tín chỉ.

**Điều 3. Các hình thức tổ chức chuyên đề**

1. Hội thảo khoa học các cấp:

a. Học viên có bài viết đăng trong kỉ yếu hội thảo khoa học các cấp nhưng không có mã số tiêu chuẩn quốc tế ISBN.

b. Học viên có bài viết và được đăng trong kỉ yếu hội thảo khoa học các cấp có mã số tiêu chuẩn quốc tế ISBN.

c. Học viên tham dự và viết báo cáo về việc tham dự Hội thảo khoa học các cấp.

2. Học viên có bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học ngành, chuyên ngành.

3. Học viên có xuất bản sách bởi các nhà xuất bản uy tín trong nước và quốc tế.

4. Học viên tham gia nghiên cứu khoa học các cấp.

5. Học viên tham gia các buổi báo cáo chuyên đề được thực hiện bởi các Chuyên gia, giảng viên, nhà nghiên cứu, nghệ nhân...

#### **Điều 4. Đánh giá chuyên đề**

Học viên thực hiện chuyên đề các cấp được đánh giá và quy đổi điểm như sau:

| TT                                  | Nội dung   | Cấp thực hiện   | Số tín chỉ được công nhận tối đa/đơn vị | Điểm đánh giá và quy đổi |
|-------------------------------------|--|---|---|--------------------------|
| <b>1. Hội thảo/Hội nghị/Seminar</b> |  |   |   |                          |
| 1.1                                 | <b>Tham dự Hội thảo khoa học các cấp, không có bài tham luận Hội thảo, hoàn thành viết báo cáo</b> | Cấp Khoa/ Trường thành viên   | 03                                      | 6,0-8,0                  |
|                                     |  | Cấp Trường Đại học  | 04                                      |                          |
|                                     |  | Cấp Quốc gia  | 06                                      |                          |
|                                     |  | Cấp Quốc tế   | 09                                      |                          |
| 1.2                                 | <b>Có bài viết được đăng trên kỉ yếu Hội thảo không có chỉ số ISBN</b>                             | Cấp Khoa/ Trường thành viên   | 03                                      | 6,0-8,0                  |
|                                     |  | Cấp Trường Đại học  | 04                                      |                          |
|                                     |  | Cấp quốc gia  | 06                                      |                          |
|                                     |  | Cấp quốc tế   | 09                                      |                          |
| 1.3                                 | <b>Có bài viết được đăng trên kỉ yếu Hội thảo có chỉ số ISBN</b>                                   | Cấp Khoa/ Trường thành viên   | 06                                      | 7,0 – 10                 |
|                                     |  | Cấp Trường Đại học  | 08                                      |                          |
|                                     |  | Cấp quốc gia  | 10                                      |                          |
|                                     |  | Cấp quốc tế   | 12                                      |                          |
| <b>2. Xuất bản bài báo khoa học</b> |  |   |   |                          |
| 2.1                                 | <b>Là tác giả chính của các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học</b>                             | Các tạp chí khoa học trong nước có chỉ số ISSN không thuộc danh mục các tạp chí được Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành công nhận | 06                                      | 6,0 – 8,0                |
| 2.2                                 |  | Các tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN không thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng                 | 08                                      | 7,0 – 10,0               |

| TT                                  | Nội dung   | Cấp thực hiện                             | Số tín chỉ được công nhận tối đa/đơn vị | Điểm đánh giá và quy đổi |
|-------------------------------------|--|---|---|--------------------------|
|                                     |  | Giáo sư ngành, liên ngành công nhận       |   |                          |
| 2.3                                 | <b>Là tác giả chính của các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học</b> | Thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus | 12                                      | 8,0 – 10,0               |
| <b>3. Xuất bản Sách/chương sách</b> |  |   |   |                          |
| 3.1                                 | <b>Xuất bản sách bởi các nhà xuất quốc gia có uy tín</b>               | Tác giả độc lập/Chủ biên/Đồng chủ biên    | 10                                      | 8,0 – 10,0               |
|                                     |  | Chương sách                               | 4                                       | 7,0 – 10,0               |
| 3.2                                 | <b>Xuất bản sách bởi các nhà xuất có uy tín trên thế giới</b>          | Tác giả độc lập/Chủ biên/Đồng chủ biên    | 12                                      | 8,0 – 10,0               |
|                                     |  | Chương sách                               | 6                                       | 7,0 – 10,0               |
| <b>4. Tham gia đề tài khoa học</b>  |  |   |   |                          |
| 4.1                                 | <b>Tham gia đề tài nghiên cứu các cấp với vai trò chủ nhiệm đề tài</b> | Cấp cơ sở                                 | 08                                      | 7,0 – 9,0                |
|                                     |  | Cấp tỉnh                                  | 10                                      | 8,0 – 10,0               |
|                                     |  | Cấp Nhà nước                              | 12                                      | 9,0 – 10,0               |
| 4.2                                 | <b>Tham gia đề tài nghiên cứu các cấp với vai trò thành viên chính</b> | Cấp cơ sở                                 | 06                                      | 6,0 – 8,0                |
|                                     |  | Cấp tỉnh/Bộ                               | 08                                      | 7,0 – 9,0                |
|                                     |  | Cấp Nhà nước                              | 10                                      | 8,0 – 10,0               |

*Đối với các bài viết đăng trên kỉ yếu và các bài báo khoa học: Chỉ đánh giá và công nhận số tín chỉ cho các chuyên đề đối với tác giả độc lập, tác giả thứ nhất, hoặc tác giả liên hệ. (Bài viết khoa học được Hội đồng biên tập tạp chí xác nhận về việc chấp nhận đăng ở các kỳ tiếp theo của tạp chí thì được công nhận như bài báo được đăng chính thức).*

*Đối với đề tài khoa học: Căn cứ vào quy định Khoa học và công nghệ của trường Đại học Trà Vinh và Quyết định giao đề tài/ Hợp đồng nghiên cứu khoa học làm cơ sở công nhận số lượng thành viên chính tham gia đề tài. Nội dung đánh giá dựa trên báo*

cáo tổng kết của đề tài. Trong trường hợp đề tài chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ so với thời gian đào tạo. Căn cứ vào nội dung báo cáo và tỉ lệ % hoàn thành của đề tài để làm cơ sở để đánh giá và xác định số tín chỉ được công nhận.

5. Đối với các chuyên đề do các chuyên gia, giảng viên, nhà nghiên cứu, nghệ nhân.... trình bày. Sau khi tham dự kết thúc mỗi chuyên đề, học viên viết báo cáo chuyên đề và được đánh giá từ người trình bày hoặc Khoa/Trường thành viên phân công người phụ trách theo dõi đánh giá.

6. Kết quả đánh giá các chuyên đề chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ mức 5,5 điểm trở lên tính theo thang điểm 10.

### **Điều 5. Trách nhiệm của học viên**

1. Căn cứ vào chương trình và kế hoạch đào tạo của từng ngành/chuyên ngành cụ thể, học viên có thể đăng ký thực hiện chuyên đề từ sau học phần thứ 5 (hoặc hết học kỳ 1) theo kế hoạch đào tạo.

2. Học viên có trách nhiệm hoàn thành số tín chỉ chuyên đề trong chương trình đào tạo thông qua các hình thức chuyên đề tại Điều 3 trong quy định này và được Khoa/Trường thành viên công nhận theo quy định.

3. Chuyên đề nghiên cứu là học phần trong chương trình đào tạo. Trong trường hợp, học viên chưa hoàn thành chuyên đề sẽ không được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ.

### **Điều 6. Trách nhiệm của giảng viên**

1. Căn cứ vào tính chất của chuyên đề, thực hiện hướng dẫn học viên viết báo cáo chuyên đề theo sự phân công của Trường/Khoa chuyên môn.

2. Giảng viên được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá các chuyên đề theo các tiêu chí do Khoa/Trường thành viên ban hành.

### **Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

1. Trường/Khoa chuyên môn

a. Căn cứ đặc điểm của ngành đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình thiết kế bộ tiêu chí chấm điểm, đề xuất thành viên đánh giá, thành lập các Tiểu ban đánh giá các chuyên đề. Tiêu chuẩn của thành viên tham gia đánh giá phải phù hợp với tiêu chuẩn giảng dạy theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Trà Vinh.

b. Căn cứ vào số tín chỉ chuyên đề nghiên cứu của chuyên ngành đào tạo, Khoa/Trường thành viên môn phân công tối thiểu 02 giảng viên có trình độ chuyên môn theo quy định thực hiện chấm, quy đổi các công trình và công nhận số tín chỉ theo quy định. Điểm tổng kết là số điểm trung bình của hai cán bộ tham gia đánh giá và quy đổi.

c. Đảm bảo số tín chỉ công nhận không vượt quá số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo. Trong trường hợp học viên tham gia nhiều hoạt động vượt số tín

TIN  
G  
C  
NH  
H

chỉ công nhận tối đa tại Điều 4. Trường/Khoa chuyên môn xem xét quyền lợi của người học, ưu tiên công nhận số tín chỉ đối với công trình có điểm số tích lũy cao nhất.

d. Ghi nhận, phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chuyên đề và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

e. Nộp bảng điểm đánh giá chuyên đề về Phòng Đào tạo Sau đại học theo đúng thời gian quy định.

## 2. Phòng Đào tạo Sau đại học

a. Theo dõi, kiểm tra và phối hợp hỗ trợ tình hình thực hiện chuyên đề của các Trường/ Khoa chuyên môn.

b. Công bố điểm học phần chuyên đề cho học viên chậm nhất 02 tuần kể từ ngày nhận được bảng điểm từ các Trường/ Khoa chuyên môn.

## 3. Đối với Phòng Tài chính

Phối hợp với Phòng Đào tạo Sau đại học, các Trường/ Khoa chuyên môn thanh toán chế độ cho giảng viên theo quy định hiện hành. *lll*